KHỚP NỐI MỀM REN SUỐT ATK

❖ KHỚP NỐI MỀM EE GIOĂNG ĐỒNG



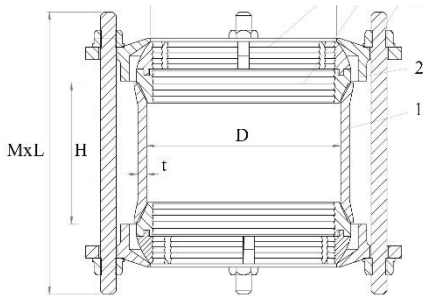
❖ **CÔNG DỤNG:** Dùng để đấu nối các đường ống HDPE với nhau.

❖ **ƯU ĐIỂM:** Dễ dàng lắp đặt, nhanh chóng, cấu tạo phần ngàm đồng giúp giữ ống chắc chắn tránh bị tuột, bề mặt được sơn Epoxy bóng bền đẹp.

❖ **TIÊU CHUẨN SẢN XUẤT:** TCVN 10177:2013/ ISO 2531 - 2009

❖ CẤU TẠO

STT	Cấu tạo	Vật liệu
1	Thân khớp	Gang cầu FCD450
2	Nắp	Gang cầu FCD450
3	Guzong	Guzong mạ kẽm
4	Gioăng	Cao su EPDM
5	Ren đồng	Đồng vàng



❖ BẢNG THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Đường kính (DN)	Lắp ống (HDPE) OD (mm	Đường kính trong (D)	Đường kính nắp (d)	Độ dày (t)	Thông số bulong (MxL)	Số Guzong (n)	Chiều cao (H)	Áp lực làm việc (bar)
50	63	70	65	4.5	10x200	3	90	PN10/16
65	75	80	80	4.5	10x200	3	100	PN10/16
80	90	100	95	5	12x250	4	110	PN10/16
100	110	122	115	5	12x250	4	120	PN10/16
125	125	130	130	5	12x250	4	120	PN10/16
140	140	145	145	5	14x250	4	125	PN10/16
150	160	172	165	5.5	14x250	4	130	PN10/16
180	180	185	185	5.5	14x250	4	130	PN10/16
200	200	216	210	6	16x300	4	140	PN10/16
225	225	230	230	6	16x300	4	140	PN10/16
250	250	260	260	6.5	16x330	6	150	PN10/16
280	280	285	285	6.5	16x330	6	150	PN10/16
300	315	320	320	7	16x330	6	160	PN10/16

Nhà sản xuất: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & SẢN XUẤT HCL
VP/NMSX: : Lô CN 1B Cụm CN Quất Động mở rộng, xã Thượng Phúc, Hà Nội
http://www.hcl.vn; Hotline: 0367.608.608

ISO 9001:2015
TCVN 10177:2013
ISO 2531:2009

KHỚP NỐI MỀM REN SUỐT ATK

❖ KHỚP NỐI MỀM BE GIOĂNG ĐỒNG



❖ **CÔNG DỤNG:** Dùng để đấu nối các đường ống HDPE với mặt bích van hoặc sang các mặt bích khác.

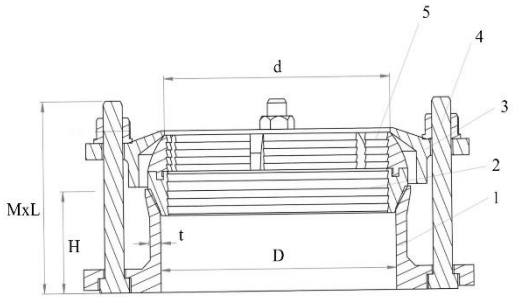
❖ **ƯU ĐIỂM:** Dễ dàng lắp đặt, nhanh chóng, cấu tạo phần ngàm đồng giúp giữ ống chắc chắn tránh bị tuột, bề mặt được sơn Epoxy bóng bền đẹp.

❖ **TIÊU CHUẨN SẢN XUẤT:** TCVN 10177:2013/ ISO 2531 - 2009

❖ **TIÊU CHUẨN MẶT BÍCH:** ISO 7005-2/ EN1092-2 PN10

❖ CẤU TẠO

STT	Cấu tạo	Vật liệu
1	Thân khớp	Gang cầu FCD450
2	Nắp	Gang cầu FCD450
3	Bulong	Bulong mạ kẽm
4	Gioăng	Cao su EPDM
5	Ren đồng	Đồng vàng



❖ BẢNG THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Đường kính (DN)	Lắp ống (HDPE) OD (mm	Đường kính trong (D)	Đường kính nắp (d)	Độ dày (t)	Thông số bulong (MxL)	Số bulong (n)	Chiều cao (H)	Áp lực làm việc (PN)
50	63	70	65	4.5	10x100	3	55	PN10/16
65	75	80	80	4.5	10x100	3	60	PN10/16
80	90	100	95	5	12x120	4	65	PN10/16
100	110	122	115	5	12x120	4	65	PN10/16
125	125	130	130	5	12x120	4	65	PN10/16
140	140	145	145	5	14x150	4	70	PN10/16
150	160	172	165	5.5	14x150	4	70	PN10/16
180	180	185	185	5.5	14x150	4	70	PN10/16
200	200	216	210	6	16x150	4	75	PN10/16
225	225	230	230	6	16x150	4	75	PN10/16
250	250	260	260	6.5	16x150	6	80	PN10/16
280	280	285	285	6.5	16x150	6	80	PN10/16
300	315	320	320	7	16x180	6	90	PN10/16

Nhà sản xuất: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & SẢN XUẤT HCL

VP/NMSX: : Lô CN 1B Cụm CN Quất Động mở rộng, xã Thượng Phúc, Hà Nội

http://www.hcl.vn; Hotline: 0367.608.608

ISO 9001:2015 TCVN 10177:2013 ISO 2531:2009